

QUYẾT ĐỊNH

Về cước, phí hàng hải đối với tàu biển vận chuyển hàng hoá giữa các cảng biển Việt Nam

TRƯỞNG BAN BAN VẬT GIÁ CHÍNH PHỦ

- Căn cứ Nghị định số 01/CP ngày 05/01/1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Vật giá Chính phủ;
- Căn cứ Nghị định số 13/CP ngày 25/02/1994 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý hoạt động hàng hải tại cảng biển và các khu vực hàng hải ở Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư liên bộ số 02/TTLB ngày 12/4/1993 của Ban Vật giá Chính phủ - Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cước phí cảng biển;
- Theo đề nghị của Cục Hàng hải Việt Nam;
- Sau khi trao đổi với các ngành có liên quan.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Nay ban hành kèm theo Quyết định này Biểu cước, phí hàng hải đối với tàu biển của các thành phần kinh tế trong nước, của các doanh nghiệp hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam vận chuyển hàng hoá giữa các cảng biển Việt Nam để tiêu thụ nội địa.

Điều 2.- Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1998 và thay thế Quyết định số 60/VGCP-CNTD.DV ngày 7/11/1994 của Ban Vật giá Chính phủ. Các quy định về cước, phí hàng hải trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

BIỂU CƯỚC, PHÍ HÀNG HẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 128/VGCP-CNTD.DV

ngày 28/10/1997 của Ban Vật giá Chính phủ)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng

Biểu cước, phí hàng hải tại Quyết định số 128/VGCP-CNTD.DV được quy định đối với tàu biển của các thành phần kinh tế trong nước, của các doanh nghiệp hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hoạt động trong khu vực hàng hải của các cảng biển của nước CHXNCNVN vận chuyển hành khách, hàng hoá giữa các cảng biển Việt Nam để tiêu thụ nội địa (không bao gồm hàng hoá của các Khu chế xuất để xuất khẩu tại chỗ).

2. Thời gian làm việc

2.1. Thời gian làm việc bình thường trong ngày từ 7 giờ đến 17 giờ.

2.2. Trừ phí trọng tải, phí bảo đảm an toàn hàng hải. Các loại phí và giá khác nếu làm việc trong thời gian:

- Từ 5 giờ đến 7 giờ và từ 17 giờ đến 22 giờ: tăng 20% mức giá thời gian làm việc bình thường.

- Từ 22 giờ đến 5 giờ sáng hôm sau: tăng 40% mức giá thời gian làm việc bình thường.

- Ngày lễ, Tết và Chủ nhật (kể cả các ngày nghỉ bù của ngày Lễ, Tết và kể cả ngoài thời gian làm việc bình thường của những ngày trên): tăng 50% mức giá thời gian làm việc bình thường.

2.3. Ngày lễ, Tết bao gồm:

- Dương lịch: ngày 01 tháng 1; Ngày 30 tháng 4; ngày 01 tháng 5; ngày 02 tháng 9.

- Âm lịch: Ngày cuối năm; Ngày 01, 02 và 03 Tết âm lịch.

Nếu ngày lễ, Tết trùng vào ngày Chủ nhật thì nghỉ vào ngày kế tiếp.

3. Đơn vị tính và cách quy tròn

3.1. Đơn vị tính trọng tải:

3.1.1. Đối với tàu chở hàng (trừ tàu chở dầu): là trọng tải đăng ký dung tích toàn phần GRT (GROSS REGISTERED TONNAGE - GRT) lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận của Đăng kiểm.

3.1.2. Đối với tàu chở dầu: trọng tải tính cước, phí bằng 85% trọng tải đăng ký dung tích toàn phần GRT (GROSS REGISTERED TONNAGE - GRT) lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận của Đăng kiểm.

Tàu biển không ghi trọng tải GRT tính đối như sau:

- Tàu chở hàng: 1,5 tấn trọng tải đăng ký tính 1 GRT.

- Tàu kéo, tàu đẩy: 1 CV tính 0,5 GRT

- Sà lan: 1 tấn trọng tải đăng ký tính 1 GRT.

Trường hợp tàu biển là đoàn sà lan tàu kéo (hoặc tàu đẩy) trọng tải tính cước là tổng số GRT của cả đoàn sà lan và tàu kéo (hoặc tàu đẩy).

3.2. Đơn vị thời gian:

- Ngày tính 24 giờ: phần lẻ của ngày từ 12 giờ trở xuống tính 1/2 ngày, trên 12 giờ tính 1 ngày.

- Giờ tính 60 phút: phần lẻ dưới 30 phút trở xuống tính 1/2 giờ, trên 30 phút tính 1 giờ.

3.3. Khoảng cách tính cước, phí là hải lý. Phần lẻ chưa đủ một hải lý tính là 1 hải lý.

II. CƯỚC, PHÍ HÀNG HẢI

1. Phí trọng tải

1.1. Tàu biển hoạt động trong khu vực hàng hải hoặc vùng nước tại các cảng biển của nước CHXHCNVN đều phải trả phí trọng tải.

1.2. Phí trọng tải tính cho từng lượt tàu biển vào, ra trong khu vực hàng hải hoặc vùng nước cảng mà các Cảng vụ quản lý theo đơn giá sau:

- Lượt vào: 200 đ/GRT

- Lượt ra: 200 đ/GRT

1.3. Giảm 30% đơn giá tại điểm II/1.2. cho tàu biển vào ra khu vực hàng hải hoặc vùng nước do Cảng vụ quản lý để sửa chữa, lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên nhưng không xếp dỡ hàng hoá, không nhận, trả khách.

1.4. Giảm 50% đơn giá tại điểm II/1.2 cho tàu biển chỉ đỗ ở phao, vũng, vịnh suốt trong thời gian dỡ hàng.

1.5. Miễn phí trọng tải các trường hợp sau:

1.5.1. Tàu biển của các lực lượng vũ trang, công an, hải quan khi làm công vụ (trường hợp làm kinh tế và chở hàng thuê cho các ngành kinh tế thì vẫn phải trả phí trọng tải).

1.5.2. Tàu biển vào ra cảng để tránh bão, cấp cứu bệnh nhân nhưng không xếp dỡ hàng, không nhận trả khách.